TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 19/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Sơn Cước;

2. Ông Nguyễn Đình Chỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 20/8/1988, tại: Xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, Ấp 5, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nơi tạm trú: Thôn 05, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình P (chết) và bà Trần Thị X, sinh năm 1969; chồng Nguyễn Minh H, sinh năm 1989 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 29/01/2020 của TAND huyện Tiên Phước. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1973, ông Lê Văn T, sinh năm: 1973. Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Đỗ Quang C1, sinh năm: 1956, vắng mặt;

+ Anh Đỗ Quang C2, sinh năm: 1997, vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1987; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Trần Thị X, sinh năm: 1975. + Chị Nguyễn Thị Hà, sinh năm: 1994. Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam có mặt;

+ Anh Nguyễn Hữu A, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn 06, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 06 tháng 7 năm 2019, Nguyễn Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô đi đến tiệm tạp hóa của vợ chồng bà Nguyễn Thị B để mua đồ. Tại đây, ông Lê Văn T *(là chồng của bà Nguyễn Thị B)* đang bán hàng cho khách, Nguyễn Thị Ngọc T cũng đi vào đứng bên cạnh tủ nhôm kính trong tiệm tạp hóa hỏi mua một thùng sữa Grow và một chai dầu ăn. Sau khi bán hàng cho T, ông Lê Văn T tiếp tục đi bán hàng cho những người khách khác. Lúc này, T nhìn thấy một bao nilong bên trong có chứa nhiều thẻ card điện thoại di động Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng và 100.000 đồng để trên đầu tủ nhôm kính nên T nảy sinh ý định trộm cắp số thẻ card này. T quan sát xung quanh thấy không có ai để ý nên T lấy bao nilong có chứa card điện thoại nói trên cất giấu vào trong bao nilong đang chứa thùng sữa và chai dầu ăn mà T đã mua trước đó rồi đi ra điều khiển xe mô tô chở số tài sản này về lại nhà bà Trần Thị X. Về tới nhà, T lấy bao nilong chứa nhiều thẻ card vừa trộm cắp được giấu vào trong túi xách đựng quần áo của T. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đỗ Quang C2 đưa cho T 50.000 đồng nhờ mua giúp 01 thẻ card viettel, T cầm lấy tiền rồi đi lấy 02 cái card viettel mệnh giá 50.000 đồng từ số thẻ card T trộm cắp của bà B, một cái T đưa cho Đỗ Quang C2, còn một cái T nạp vào điện thoại có số thuê bao 0342823875 của ông Đỗ Quang C1. Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/7/2019, Đỗ Quang C2 tiếp tục đưa cho T 50.000 đồng để nhờ mua giúp một thẻ card viettel mệnh giá 50.000 đồng; T lấy tiền rồi lấy một card viettel mệnh giá 50.000 đồng đưa cho Đỗ Quang C2. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/7/2019, T gọi điện thoại nói chuyện với Nguyễn Văn L thì nghe L nói hết tiền trong tài khoản điện thoại nên T lấy một thẻ card viettel mệnh giá 100.000 đồng rồi đi đến nhà của L cho L để nạp vào số thuê bao 0328636320 của L. Ngoài ra, T còn sử dụng một thẻ card viettel mệnh giá 50.000 đồng nạp vào số thuê bao 0328776513 của T vào ngày 07/7/2019 và một thẻ card viettel mệnh giá 100.000 đồng nạp vào số thuê bao 0352174251 của T vào ngày 10/7/2019 để sử dụng. Đến khoảng 15 giờ 00 ngày 13/10/2019, do sợ bị Cơ quan Công an phát hiện nên T xé nát bao nilong và số thẻ card còn lại mà T trộm cắp được vứt xuống hầm cầu nhà vệ sinh phía sau nhà bà Trần Thị X.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Phước xác định tổng số card viettel của bà Nguyễn Thị B bị Nguyễn Thị Ngọc T trộm cắp gồm: 10 thẻ card viettel mệnh giá 100.000 đồng có số seri theo thứ tự từ 10003904724941 đến 10003904724950; 37 thẻ card viettel mệnh giá 50.000 đồng có số seri theo thứ tự từ 10003471710081 đến 10003471710092, số seri theo thứ tự từ 10003471710094 đến 10003471710096, số seri 10003471710098 và số seri theo thứ tự từ 10003471710100 đến 10003471710120; 48 thẻ card viettel mệnh giá 20.000 đồng có số seri theo thứ tự từ 10002482302353 đến 10002482302400 và khoảng 50 thẻ card viettel mệnh giá 20.000 đồng không xác định được số seri.

Ngày 10 tháng 11 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiên Phước kết luận tổng giá trị thẻ card viettel bà Nguyễn Thị B mất ngày 06/7/2019 là 4.810.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSTP-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)* (BLHS năm 2015).

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; các Điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS năm 2015*)*, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T từ 6 (sáu) đến 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T khai nhận: Vào khoảng 07 giờ 10 phút, ngày 06 tháng 7 năm 2019, lợi dụng sơ hở của ông Lê Văn T trong lúc bán hàng nên T đã lén lút trộm cắp nhiều thẻ card điện thoại Viettel có tổng giá trị là 4.810.000 đồng, trong tiệm tạp hóa của vợ chồng bà B, ông T.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị là 4.810.000 đồng như đã nêu ở

trên của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và trách nhiệm của bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T có đầy đủ khả năng nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì lòng tham bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn và bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại , người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, h, i, s Khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015. Xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mà xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ nghiêm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn việc làm, thu nhập không định, một mình nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận xong việc bồi thường dân sự và bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: 03 thẻ card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, đã qua sử dụng có số seri lần lượt là 10003904724945, 10003595329623, 10003595329628 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Phước đã tạm giữ kèm theo biên bản giao nhận bút lục số 37, 38, 39 tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Đối với ông Đỗ Quang C1, anh Đỗ Quang C2, anh Nguyễn Văn L đều không biết thẻ card nộp vào điện thoại của mình là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Phước không xem xét xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, Điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(Sửa đổi, bổ sung năm 2017)*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19-2-2020). Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 105, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: 03 thẻ card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, đã qua sử dụng có số seri lần lượt là 10003904724945, 10003595329623, 10003595329628 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Phước đã tạm giữ kèm theo biên bản giao nhận bút lục số 37, 38, 39 tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án *(19/02/2020)*. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Phước;
- Cơ quan T.H.A HS Công an H. Tiên Phước;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Tiên Phước;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, án văn, T.H.A.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trình Minh Hùng